

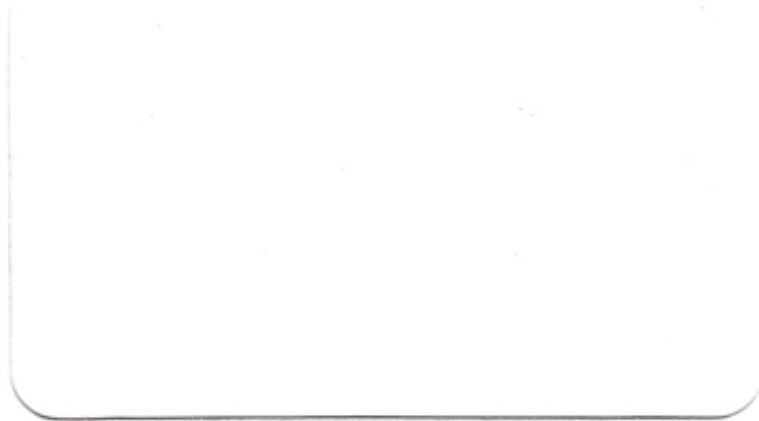


Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 37



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400469817 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Trong quá trình hoạt động do có sự thay đổi về vốn và ngành nghề kinh doanh với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 11 vào ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277.3763.155
- Fax : 0277.3763.152

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đũa đủ sậy.
- Mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đũa đủ sậy.

**2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Đình Bửu Trí	Chủ tịch	Ngày 08 tháng 11 năm 2019	
Ông Phạm Hữu Quá	Chủ tịch		Ngày 08 tháng 11 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Kiệm	Thành viên	Ngày 08 tháng 11 năm 2019	
Ông Mai Hoàng Tâm	Thành viên	Ngày 08 tháng 11 năm 2019	
Ông Phạm Thanh Hùng	Thành viên	Ngày 08 tháng 11 năm 2019	
Ông Nguyễn Ngọc Vũ Chương	Thành viên	Ngày 08 tháng 11 năm 2019	
Bà Nguyễn Thanh Hằng	Thành viên	Ngày 08 tháng 11 năm 2019	
Bà Trần Thị Thanh Thúy	Thành viên	Ngày 08 tháng 11 năm 2019	
Ông Lê Văn Phúc	Thành viên		Ngày 08 tháng 11 năm 2019
Ông Phạm Thành Đô	Thành viên		Ngày 08 tháng 11 năm 2019

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Huỳnh Thị Bé Ngọc	Trưởng ban	Ngày 08 tháng 11 năm 2019	
Bà Hồng Lệ Vân	Thành viên	Ngày 08 tháng 11 năm 2019	
Ông Nguyễn Trọng Liêm	Thành viên	Ngày 08 tháng 11 năm 2019	
Ông Nguyễn Dương Thảo	Thành viên		Ngày 08 tháng 11 năm 2019

95-0  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
Độc lập  
KIỂM TOÁN  
THC  
: - TP.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Kiệm	Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 11 năm 2019
Ông Mai Hoàng Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 11 năm 2019
Bà Mật Bích Khuầy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 11 năm 2019

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Kiệm	Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 11 năm 2019

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**NGUYỄN VĂN KIÊM**  
Tổng Giám đốc

Sa Đéc, ngày 20 tháng 02 năm 2020





Số: 026/2020/BCKT-CT.00011

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông  
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CN CẦN THƠ  
Thành Phố Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2020

**NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>109.363.575.829</b>	<b>87.748.745.063</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>22.972.560.685</b>	<b>5.626.216.647</b>
Tiền	111		22.972.560.685	5.626.216.647
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>44.358.620.091</b>	<b>41.848.753.797</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	40.567.669.688	38.010.195.483
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.049.206.656	3.911.717.110
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	683.857.574	869.821.873
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(944.690.227)	(942.980.669)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.576.400	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40.195.942.309</b>	<b>36.490.831.929</b>
Hàng tồn kho	141	5.6	40.195.942.309	36.490.831.929
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.836.452.744</b>	<b>3.782.942.690</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	20.134.992	805.075.453
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.816.317.752	2.977.867.237
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

1.899  
 ÔNG  
 CHIÊM  
 M.T.C  
 1.899  
 NH  
 T.N.T  
 3-T



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
Đơn vị tính: VND				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>68.010.481.829</b>	<b>74.716.200.588</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61.202.781.333</b>	<b>63.493.312.539</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	61.202.781.333	63.493.312.539
Nguyên giá	222		133.955.717.393	125.213.998.609
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.752.936.060)	(61.720.686.070)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>202.795.294</b>	<b>4.440.772.936</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	202.795.294	4.440.772.936
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Đầu tư khác	258		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.604.905.202</b>	<b>6.782.115.113</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	5.792.460.003	5.946.146.329
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.10	812.445.199	835.968.784
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>177.374.057.658</b>	<b>162.464.945.651</b>

S-002  
 TY  
 HỮU HẠN  
 AN  
 NAM  
 ANH  
 10  
 P. C. ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>57.273.341.553</b>	<b>60.683.602.240</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>52.858.950.140</b>	<b>56.131.535.864</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	7.543.606.267	8.872.512.065
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.018.872.783	2.224.285.933
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.879.698.233	2.625.039.936
Phải trả người lao động	314		11.825.852.507	5.297.919.643
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.388.606.326	688.410.986
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	927.247.182	786.487.998
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	25.154.906.280	33.420.291.335
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	1.120.160.562	2.216.587.968
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.414.391.413</b>	<b>4.552.066.376</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	3.914.391.413	4.052.066.376
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		500.000.000	500.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

		Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>Vốn chủ sở hữu</b>				
Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.475.800.000	71.475.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.475.800.000	71.475.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.962.558.817	15.962.558.817
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		291.290	291.290
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.662.065.998	14.342.693.304
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.323.304	2.089.172.414
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.640.742.694	12.253.520.890
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>				
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>177.374.057.658</b>	<b>162.464.945.651</b>



**NGUYỄN VĂN SANG**  
Người lập biểu



**NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN VĂN KIỆM**  
Tổng Giám đốc

Sa Đéc, ngày 20 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

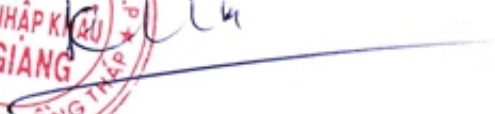
	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1	<b>319.155.485.233</b>	<b>288.758.174.159</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	250.925.822	267.160.943
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>318.904.559.411</b>	<b>288.491.013.216</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.3	<b>251.379.985.468</b>	<b>236.611.141.276</b>
<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>67.524.573.943</b>	<b>51.879.871.940</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	450.805.745	538.825.626
Chi phí tài chính	22	6.5	1.322.889.669	1.197.935.110
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.006.224.037</i>	<i>655.485.889</i>
Chi phí bán hàng	25	6.6	15.524.130.887	13.625.058.031
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	10.267.154.877	9.747.841.101
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>40.861.204.255</b>	<b>27.847.863.324</b>
Thu nhập khác	31	6.8	639.803.508	1.107.800.366
Chi phí khác	32	6.9	532.224.015	119.829.357
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>107.579.493</b>	<b>987.971.009</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>40.968.783.748</b>	<b>28.835.834.333</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	8.304.517.468	5.762.854.553
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.10	23.523.585	98.088.890
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>32.640.742.695</b>	<b>22.974.890.890</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	4.567	2.711



**NGUYỄN VĂN SANG**  
Người lập biểu



**NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN VĂN KIỆM**  
Tổng Giám đốc  
Sa Đéc, ngày 20 tháng 02 năm 2020

JOA  
 O  
 ACH  
 KIẾ  
 C T  
 CHI  
 CẢ  
 ANK

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		40.968.783.748	28.835.834.333
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		11.211.488.110	10.350.210.817
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		(135.965.405)	(12.736.024)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		67.683.726	577.200.477
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.543.665)	(227.195.073)
Chi phí lãi vay	06		1.006.224.037	655.485.889
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>53.105.670.551</b>	<b>40.178.800.419</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.318.758.464)	141.836.584
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.705.110.380)	(12.182.643.671)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.775.523.564	(174.452.003)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		990.553.536	(1.510.616.573)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.006.224.037)	(655.485.889)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.670.449.624)	(5.814.046.178)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		7.650.469	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.584.815.995)	(7.246.910.536)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>41.594.039.620</b>	<b>12.736.482.153</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.185.667.891)	(13.105.890.063)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		336.363.636	227.272.727
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.680.029	15.023.242
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.841.624.226)</b>	<b>(12.863.594.094)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND


	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		98.805.518.607	86.270.723.268
Tiền trả nợ gốc vay	34		(107.352.802.002)	(64.996.551.745)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.721.370.000)	(35.737.900.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(19.268.653.395)</b>	<b>(14.463.728.477)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>50</b>		<b>17.483.761.999</b>	<b>(14.590.840.418)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>60</b>		<b>5.626.216.647</b>	<b>20.277.284.341</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(137.417.961)	(60.227.276)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	5.1	<b>22.972.560.685</b>	<b>5.626.216.647</b>



**NGUYỄN VĂN SANG**  
Người lập biểu



**NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG**  
Kê toán trưởng

**NGUYỄN VĂN KIỆM**  
Tổng Giám đốc

Sa Đéc, ngày 20 tháng 02 năm 2020

5-02  
TY  
HỮU H  
ÁN  
NAI  
NH  
Ơ  
CÁI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Sa Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy.
- Mua bán thực phẩm: bánh phồng tôm, hủ tiếu, bánh phở, đu đủ sấy.

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Cấu trúc của Công ty

##### Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	483 Tên Lửa, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Bánh Phồng Tôm Sa Giang 1	Lô CII-3, Đường số 5, Khu công nghiệp C, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Xí nghiệp Bánh Phồng Tôm Sa Giang 2	Lô III-2 và Lô III-3, Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Xí nghiệp Sa Giang Food	Lô III-2 và Lô III-3, Khu A1, Khu công nghiệp Sa Đéc, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

#### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

#### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 509 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 526 người).

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm tài chính từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

3.444  
CỔ  
CHỊ  
KIỂM  
C V  
CHI  
GI  
PÁN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

### Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (49 năm)

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị truyền dẫn	10 năm

### 4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

1990  
NG  
HỆM  
ATC  
187  
NH  
IN TI  
G-1

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí quản lý.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu là: Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm và chi phí hoàn nguyên.

### 4.11 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau. Trong năm, Công ty không có trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

TY  
HỮU  
HẠN  
SA  
ĐÉC  
P.C

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

##### Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

### 4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/ đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH TM Thực Phẩm Phong Phú	Giám đốc là Ông Phạm Thanh Hùng (Hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị)
Cửa hàng Sa Giang	Chủ cửa hàng là Ông Phạm Thanh Hùng (Hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị)
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	Giám đốc là Ông Lê Văn Phúc (Hiện vợ là Trần Thị Thanh Thúy là Thành viên Hội đồng Quản trị)
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt		
- VND	279.318.911	279.205.138
- USD (i)	251.395.551	423.482.676
- EUR (i)	18.731.285	29.929.647
- AUD (i)	1.604.300	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	17.345.682.327	2.820.707.127
- USD (i)	5.075.828.311	2.072.892.059
	<b>22.972.560.685</b>	<b>5.626.216.647</b>

(i) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt		
- USD	10.873,51	251.395.551
- EUR	725,85	18.731.285
- AUD	100,00	1.604.300
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	219.546,98	5.075.828.311
		<b>5.347.559.447</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH TM Thực Phẩm Phong Phú	3.777.566.846	3.495.058.109
Cửa hàng Sa Giang	80.000	463.373.200
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Hợp Phát	10.921.711.180	11.170.831.794
Công ty TNHH Thực Phẩm Pepsico Việt Nam	2.937.880.000	3.468.410.000
VERSHOLD POLAND SP.Z.O.O 57.392,00 USD	1.326.903.040	4.371.553.536
Đối tượng khác (i)	21.603.528.622	15.040.968.844
	<b>40.567.669.688</b>	<b>38.010.195.483</b>

(i) Trong đó, khách hàng có số nguyên tệ gốc USD là 658.315,93 tương đương 15.220.264.301 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH MTV Hồng Châu Sa Đéc	-	853.600.000
Công ty TNHH Thực phẩm Công Nghệ Minh Tâm	438.400.000	768.000.000
Công ty TNHH XNK TM Công Nghệ Dịch vụ Hùng Duy	2.752.860.000	1.315.600.000
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Xuất nhập khẩu Tân Bách Đạt	-	509.000.000
Công ty Cổ phần XNK Thực Phẩm Đăng Khoa	385.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	472.946.656	465.517.110
	<b>4.049.206.656</b>	<b>3.911.717.110</b>

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Phải thu về tạm ứng	431.171.912	- 496.467.068	-	-
Phải thu tiền BHXH, BHYT, BHTN của người lao động	235.670.441	-	209.130.477	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thay	17.015.221	164.224.328	-	-
	<b>683.857.574</b>	<b>- 869.821.873</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ phải thu quá hạn từ 1 đến 2 năm</b>				
Công ty TNHH Giải Pháp Hàng Hóa Sài Gòn	8.547.792	2.564.338	8.547.792	4.273.896
<b>Nợ quá hạn trên 3 năm</b>				
Trần Văn Hùng	147.011.700	-	147.011.700	-
Hoo Hing.,Ltd	712.403.100	-	712.403.100	-
Khách hàng khác	79.291.973	-	79.291.973	-
	<b>947.254.565</b>	<b>2.564.338</b>	<b>947.254.565</b>	<b>4.273.896</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	(942.980.669)	-	(942.980.669)
Trích lập dự phòng	(1.709.558)	-	(1.709.558)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	<b>(944.690.227)</b>	<b>-</b>	<b>(944.690.227)</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.428.812.930	-	11.698.412.066	-
Công cụ, dụng cụ	480.192.453	-	324.426.600	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	602.084.070	-	3.058.589.597	-
Thành phẩm	22.430.838.605	-	19.801.205.648	-
Hàng gửi đi bán	1.254.014.251	-	1.608.198.018	-
	<b>40.195.942.309</b>	<b>-</b>	<b>36.490.831.929</b>	<b>-</b>

### 5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

#### 5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí sửa chữa	18.374.992	733.940.489
Chi phí khác	1.760.000	71.134.964
	<b>20.134.992</b>	<b>805.075.453</b>

#### 5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	5.792.460.003	5.946.146.329
	<b>5.792.460.003</b>	<b>5.946.146.329</b>

(\*) Đây là chi phí tiền thuê đất khu công nghiệp và được cấp quyền sử dụng đất sau ngày có hiệu lực đất đai năm 2003.

### 5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2019	63.768.722.571	58.690.222.329	2.755.053.709	125.213.998.609
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.266.596.537	3.971.535.156	133.587.091	9.371.718.784
Giảm do thanh lý	-	(630.000.000)	-	(630.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	<b>69.035.319.108</b>	<b>62.031.757.485</b>	<b>2.888.640.800</b>	<b>133.955.717.393</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2019	32.462.811.527	27.314.928.209	1.942.946.334	61.720.686.070
Khấu hao trong năm	4.217.861.943	6.757.698.774	355.189.273	11.330.749.990
Giảm do thanh lý	-	(298.500.000)	-	(298.500.000)
Tại ngày 31/12/2019	<b>36.680.673.470</b>	<b>33.774.126.983</b>	<b>2.298.135.607</b>	<b>72.752.936.060</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2019	31.305.911.044	31.375.294.120	812.107.375	63.493.312.539
Tại ngày 31/12/2019	<b>32.354.645.638</b>	<b>28.257.630.502</b>	<b>590.505.193</b>	<b>61.202.781.333</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</b>				
Tại ngày 01/01/2019	3.000.365.907	11.630.712.067	584.038.800	15.215.116.774
Tại ngày 31/12/2019	3.033.118.167	13.047.570.072	584.038.800	<b>16.664.727.039</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2019 là 16.943.751.827 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (tại ngày 01/01/2019: 19.515.197.774 VND).

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2019 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác VND	31/12/2019 VND
Nhà kho mới Sa Giang II	4.155.464.863	770.346.442	(4.883.728.556)	(42.082.749)	-
Tư vấn khảo sát địa hình	72.727.273	-	-	-	72.727.273
Hệ thống sấy bột	212.580.800	480.723.200	(684.120.000)	(9.184.000)	-
Nâng sàn bê tông nhẹ SG2	-	310.850.767	(310.850.767)	-	-
Phòng hấp bánh SG2	-	137.775.559	(137.775.559)	-	-
Các công trình khác	-	3.485.971.923	(3.355.243.902)	(660.000)	130.068.021
	<b>4.440.772.936</b>	<b>5.185.667.891</b>	<b>(9.371.718.784)</b>	<b>(51.926.749)</b>	<b>202.795.294</b>

**5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	01/01/2019 VND	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND	31/12/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			
- Chi phí hoàn nguyên	401.955.830	-	401.955.830
- Dự phòng trợ cấp mất việc	408.457.445	(27.534.993)	380.922.452
- Lãi chưa thực hiện	25.555.509	4.011.408	29.566.917
	<b>835.968.784</b>	<b>(23.523.585)</b>	<b>812.445.199</b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	586.686.254	553.409.230
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>		
Công ty CP Đông Hải Bến Tre	836.116.975	597.420.230
Công ty TNHH SX TM Bao Bi Tân Tiến Phát Tài	912.500.691	1.896.218.773
Các nhà cung cấp khác	5.208.302.347	5.825.463.832
	<b>7.543.606.267</b>	<b>8.872.512.065</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Nguyên tệ USD	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>			
Công ty TNHH Pan Ocean		262.931.941	-
IGM Corporation	14.536,55	335.429.438	165.810.546
Stutzer & Co. Ag	12.878,64	297.754.157	-
TRAN FRERE	16.633,20	384.393.252	-
KK Food Trading Co.,Ltd	6.566,40	151.815.168	321.599.795
Amitrading		-	250.514.040
Easy Asia Tranding AB		-	354.303.960
Hong Fat		-	340.280.737
Asia Mart		-	277.903.500
Các khách hàng khác	(i)	586.548.827	513.873.355
		<b>2.018.872.783</b>	<b>2.224.285.933</b>

(i) Trong đó, khách hàng ứng trước số tiền là 18.252,57 USD tương đương 421.965.263 VND

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2019	Số phát sinh trong năm		31/12/2019
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	12.727.273	(12.727.273)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.193.277.789	8.304.517.468	(7.670.449.624)	2.827.345.633
Thuế thu nhập cá nhân	431.762.147	711.379.968	(1.090.789.515)	52.352.600
Tiền thuế đất	-	135.399.447	(135.399.447)	-
Các loại thuế khác	-	41.811.605	(41.811.605)	-
	<b>2.625.039.936</b>	<b>9.205.835.761</b>	<b>(8.951.177.464)</b>	<b>2.879.698.233</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm xuất khẩu là 0%; bán nội địa là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Các khoản thu nhập khác được tính theo thuế suất phổ thông là 20%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:**

	2019 VND	2018 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>40.968.783.748</b>	<b>28.835.834.333</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	553.803.591	(21.561.568)
- Các khoản điều chỉnh tăng	951.709.738	596.660.425
- Các khoản điều chỉnh giảm	(397.906.147)	(618.221.993)
Thu nhập chịu thuế	41.522.587.338	28.814.272.765
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>41.522.587.338</b>	<b>28.814.272.765</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>8.304.517.468</b>	<b>5.762.854.553</b>

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trích trước chi phí thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	583.097.628	394.086.415
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	805.508.698	294.324.571
	<b>1.388.606.326</b>	<b>688.410.986</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	108.643.289	103.607.620
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	798.423.922	675.417.707
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.179.971	7.462.671
	<b>927.247.182</b>	<b>786.487.998</b>

(i) Trong đó, số tiền nhận ký cược, ký quỹ bằng ngoại tệ là 13.776,50 USD tương đương 318.512.680 VND.

**5.16 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</b>				
Vay ngắn hạn ngân hàng	25.154.906.280	25.154.906.280	33.420.291.335	33.420.291.335
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	-	-	7.004.582.480	7.004.582.480
- CN Sa Đéc - VND				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Tháp - VND (b)	25.154.906.280	25.154.906.280	26.415.708.855	26.415.708.855
	<b>25.154.906.280</b>	<b>25.154.906.280</b>	<b>33.420.291.335</b>	<b>33.420.291.335</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG  
 TÊN IN ĐÓNG CHỮ  
 TP. C

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:**

	01/01/2019	Số tiền vay phát sinh trong năm	Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>					
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sa Đéc - VND	7.004.582.480	36.636.513.028	105.675.544	(43.746.771.052)	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Tháp - VND	26.415.708.855	62.169.005.579	176.222.796	(63.606.030.950) (a)	25.154.906.280
	<b>33.420.291.335</b>	<b>98.805.518.607</b>	<b>281.898.340</b>	<b>107.352.802.002</b>	<b>25.154.906.280</b>

(a) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp Hợp đồng tín dụng hạn mức số 52/2019/VCB.ĐT - CRC được ký kết ngày 20 tháng 09 năm 2019

Hạn mức	: 40.000.000.000 VND (Bao gồm VND và Ngoại tệ tương đương)
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động
Thời hạn vay	: 4 tháng
Lãi suất vay	: 3,2%/ năm
Hình thức đảm bảo	: Đảm bảo một phần bằng tài sản sau: Công trình xây dựng là nhà máy bánh phồng tôm tại Lô III-2 và Lô III-3, Khu A1, KCN Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp giá trị còn lại của tài sản ngày 31/12/2019 là 16.943.751.827 VND.

Số dư tại ngày 31/12/2019 1.082.397 USD tương đương 25.154.906.280 VND

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2019	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	31/12/2019
	VND	VND		VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi, từ thiện	1.151.237.311	3.600.000.000	7.650.469	(4.584.815.995)	174.071.785
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	1.052.028.854	-	-	(119.261.880)	932.766.974
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	13.321.803	-	-	-	13.321.803
	<b>2.216.587.968</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>7.650.469</b>	<b>(4.704.077.875)</b>	<b>1.120.160.562</b>

**5.18 Dự phòng phải trả dài hạn**

	01/01/2019	Số sử dụng trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.042.287.225	(137.674.963)	1.904.612.262
Chi phí hoàn nguyên	2.009.779.151	-	2.009.779.151
	<b>4.052.066.376</b>	<b>(137.674.963)</b>	<b>3.914.391.413</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG**

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm trước</b>					
Tại ngày 01/01/2018	71.475.800.000	291.290	15.962.558.817	31.085.431.031	118.524.081.138
Lãi trong năm	-	-	-	22.974.890.890	22.974.890.890
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(25.016.530.000)	(25.016.530.000)
Tạm chia cổ tức	-	-	-	(10.721.370.000)	(10.721.370.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi				(3.979.728.617)	(3.979.728.617)
Tại ngày 31/12/2018	<b>71.475.800.000</b>	<b>291.290</b>	<b>15.962.558.817</b>	<b>14.342.693.304</b>	<b>101.781.343.411</b>
<b>Năm nay</b>					
Tại ngày 01/01/2019	71.475.800.000	291.290	15.962.558.817	14.342.693.304	101.781.343.411
Lãi trong năm	-	-	-	32.640.742.694	32.640.742.694
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(10.721.370.000)	(10.721.370.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi				(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	<b>71.475.800.000</b>	<b>291.290</b>	<b>15.962.558.817</b>	<b>32.662.065.998</b>	<b>120.100.716.105</b>

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	35.657.590.000	49,89	35.657.590.000	49,89
Trần Thị Thanh Thủy	15.069.730.000	21,08	15.069.730.000	21,08
Phạm Thanh Hoa	3.500.000.000	4,90	3.500.000.000	4,90
Phạm Hồng Thịnh	2.338.390.000	3,27	2.338.390.000	3,27
Phạm Thanh Hùng	2.380.580.000	3,33	2.380.580.000	3,33
Các Cổ đông khác	12.529.510.000	17,53	12.529.510.000	17,53
	<b>71.475.800.000</b>	<b>100,00</b>	<b>71.475.800.000</b>	<b>100,00</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.147.580	7.147.580
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu phổ thông	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu phổ thông	7.147.580	7.147.580
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26 tháng 03 năm 2019:

VND

· Chia cổ tức cho các cổ đông	21.442.740.000
· Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, xã hội từ thiện	3.600.000.000

Trong năm Công ty đã chia cổ tức đợt 2 tỉ lệ 15%/cổ phiếu từ lợi nhuận 2018 bằng tiền cho cổ đông theo Nghị quyết số 01/2019/NQ.ĐHCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2019

VND

· Chia cổ tức cho các cổ đông	10.721.370.000
-------------------------------	----------------

Tại ngày kết thúc năm tài chính không có cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi.

### 5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

#### 5.20.1 Ngoại tệ các loại

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dollar Mỹ (USD)	230.420,49	107.855,91
Euro (EUR)	725,85	1.135,85
Dollar Úc (AUD)	100,00	-

#### 5.20.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	31/12/2019	01/01/2019
Cửa hàng Tạp hóa Hải Yến	Không có khả năng thu hồi do không còn cư trú hoạt động ở địa phương	29.380.825	29.380.825
Các khách hàng khác	Không có khả năng thu hồi	330.400.345	330.400.345
		<u>359.781.170</u>	<u>359.781.170</u>

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Tổng doanh thu

	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán thành phẩm	318.677.047.977	288.749.082.119
Doanh thu khác	478.437.256	9.092.040
	<u>319.155.485.233</u>	<u>288.758.174.159</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

		2019 VND	2018 VND
Công ty TNHH TM Thực phẩm Phong Phú	Bán thành phẩm - Bánh phồng tôm, bún gạo	27.320.931.872	23.249.470.074
Cửa hàng Sa Giang	Bán thành phẩm - Bánh phồng tôm, bún gạo	10.397.208.553	13.036.782.199
		<b>37.718.140.425</b>	<b>36.286.252.273</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

		2019 VND	2018 VND
Chiết khấu thương mại		198.826.771	187.285.620
Hàng bán bị trả lại		7.430.400	79.875.323
Giảm giá hàng bán		44.668.651	-
		<b>250.925.822</b>	<b>267.160.943</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

		2019 VND	2018 VND
Giá vốn thành phẩm		251.287.363.149	236.563.861.655
Giá vốn khác		92.622.319	47.279.621
		<b>251.379.985.468</b>	<b>236.611.141.276</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

		2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi		7.680.029	15.023.242
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		443.085.810	523.802.384
Doanh thu hoạt động tài chính khác		39.906	-
		<b>450.805.745</b>	<b>538.825.626</b>

**6.5 Chi phí hoạt động tài chính**

		2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng		1.006.224.037	655.485.889
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		316.588.180	542.449.221
Chi phí tài chính khác		77.452	-
		<b>1.322.889.669</b>	<b>1.197.935.110</b>

**6.6 Chi phí bán hàng**

		2019 VND	2018 VND
Chi phí vận chuyển, bốc xếp		11.028.560.252	9.705.214.947
Chi phí xúc tiến thương mại		904.660.697	642.818.223
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi		310.304.546	813.882.786
Chi phí bán hàng khác		3.280.605.392	2.463.142.075
		<b>15.524.130.887</b>	<b>13.625.058.031</b>

3448  
 CÔNG  
 CHỨC  
 KIỂM  
 C VI  
 CHỈ N  
 CẢ  
 198



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.854.570.853	4.234.733.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	332.231.819	332.231.820
Thuế, phí và lệ phí	39.988.143	42.068.520
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập)	1.709.558	62.787.275
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.038.654.504	5.076.020.185
	<b>10.267.154.877</b>	<b>9.747.841.101</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	2019 VND	2018 VND
Lãi thanh lý tài sản	4.863.636	212.171.832
- Thu thanh lý tài sản cố định	336.363.636	227.272.727
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	(331.500.000)	(15.100.895)
Nhập vật tư thừa do kiểm kê	473.575.124	706.817.958
Cho thuê mặt bằng, điện nước	28.691.605	27.051.533
Thu tiền hỗ trợ	43.477.500	126.940.039
Các khoản thu nhập khác	89.195.643	34.819.004
	<b>639.803.508</b>	<b>1.107.800.366</b>

**6.9 Chi phí khác**

	2019 VND	2018 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	106.008.675	1.400.000
Phế liệu đã bán	189.085.710	73.519.604
Vật tư thiếu do kiểm kê	148.973.180	26.501.218
Chi phí khác	88.156.450	18.408.535
	<b>532.224.015</b>	<b>119.829.357</b>

**6.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	2019 VND	2018 VND
<b>Chênh lệch tạm thời được khấu trừ</b>	<b>117.617.924</b>	<b>490.444.451</b>
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	137.674.963	(127.777.542)
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(20.057.039)	618.221.993
<b>Chênh lệch tạm thời chịu thuế TN hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.534.993	123.644.398
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(4.011.408)	(25.555.508)
	<b>23.523.585</b>	<b>98.088.890</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2019 VND	2018 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>32.640.742.695</b>	<b>22.974.890.890</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.600.000.000)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>32.640.742.695</b>	<b>19.374.890.890</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.147.580	7.147.580
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.567</b>	<b>2.711</b>

**6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	168.258.046.569	170.955.082.048
Chi phí nhân công	56.022.251.256	47.974.632.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.211.488.110	10.350.210.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.760.074.153	18.255.312.442
Chi phí khác	21.058.694.231	23.895.581.933
	<b>277.310.554.319</b>	<b>271.430.819.410</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	2019 VND	2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	98.805.518.607	86.270.723.268
	<b>98.805.518.607</b>	<b>86.270.723.268</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	2019 VND	2018 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	107.352.802.002	64.996.551.745
	<b>107.352.802.002</b>	<b>64.996.551.745</b>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, dài hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### I. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

### II. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>			
Các khoản vay và nợ	25.154.906.280	-	25.154.906.280
Phải trả người bán	7.543.606.267	-	7.543.606.267
Chi phí phải trả	1.388.606.326	-	1.388.606.326
Các khoản phải trả, phải nộp khác	818.603.893	-	818.603.893
	<b>34.905.722.766</b>	<b>-</b>	<b>34.905.722.766</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2019</b>			
Các khoản vay và nợ	33.420.291.335	-	33.420.291.335
Phải trả người bán	8.872.512.065	-	8.872.512.065
Chi phí phải trả	688.410.986	-	688.410.986
Các khoản phải trả, phải nộp khác	682.880.378	-	682.880.378
	<b>43.664.094.764</b>	<b>-</b>	<b>43.664.094.764</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

### Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2019 và 01/01/2019.

### iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	35.851.893.615	33.115.344.505	35.851.893.615	33.115.344.505
Phải thu các bên liên quan	3.777.646.846	3.958.431.309	3.777.646.846	3.958.431.309
Các khoản phải thu khác	10.454.221	157.663.328	10.454.221	157.663.328
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.972.560.685	5.626.216.647	22.972.560.685	5.626.216.647
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.612.555.367</b>	<b>42.857.655.789</b>	<b>62.612.555.367</b>	<b>42.857.655.789</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	25.154.906.280	33.420.291.335	25.154.906.280	33.420.291.335
Phải trả người bán	7.543.606.267	8.872.512.065	7.543.606.267	8.872.512.065
Chi phí phải trả	1.388.606.326	688.410.986	1.388.606.326	688.410.986
Phải trả khác	818.603.893	682.880.378	818.603.893	682.880.378
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.905.722.766</b>	<b>43.664.094.764</b>	<b>34.905.722.766</b>	<b>43.664.094.764</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019 Ban Tổng Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 9. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

#### Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất bánh phồng tôm các loại.

#### Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh xuất khẩu và tiêu thụ nội địa

Năm 2019	Hoạt động xuất khẩu	Tiêu thụ nội địa	Cộng
	VND	VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	178.505.299.084	140.399.260.327	318.904.559.411
Chi phí bộ phận	(152.495.125.653)	(98.884.859.815)	(251.379.985.468)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>26.010.173.431</b>	<b>41.514.400.512</b>	<b>67.524.573.943</b>
Chi phí không phân bổ			(25.791.285.764)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>41.733.288.179</b>
Thu nhập hoạt động tài chính			450.805.745
Chi phí hoạt động tài chính			(1.322.889.669)
Thu nhập khác			639.803.508
Chi phí khác			(532.224.015)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(8.304.517.468)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(23.523.585)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>32.640.742.695</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Năm 2018	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.072.200.894	129.418.812.322	288.491.013.216
Chi phí bộ phận	(141.888.737.722)	(94.722.403.554)	(236.611.141.276)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>17.183.463.172</b>	<b>34.696.408.768</b>	<b>51.879.871.940</b>
Chi phí không phân bổ			(23.372.899.132)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>28.506.972.808</b>
Thu nhập hoạt động tài chính			538.825.626
Chi phí hoạt động tài chính			(1.197.935.110)
Thu nhập khác			1.107.800.366
Chi phí khác			(119.829.357)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.762.854.553)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(98.088.890)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>22.974.890.890</b>

**10. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**10.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Các giao dịch chủ yếu khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:**

	2019 VND	2018 VND
Hội đồng quản trị - Cổ tức được chia	824.322.000	2.388.920.000
Ban kiểm soát - Cổ tức được chia	13.230.000	44.100.000
Ban Tổng giám đốc - Cổ tức được chia	75.810.000	252.700.000

**Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Không có các khoản công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong thuyết minh tại ngày 31/12/2019

9995  
 NG 1  
 HEMH  
 M TOU  
 IET  
 NHÁ  
 N TH  
 > - T F

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### Tiền lương và tiền thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt

	2019 VND	2018 VND
Tiền lương	1.742.957.176	2.298.810.082
Thù lao	836.097.628	588.486.415
	<b>2.579.054.804</b>	<b>2.887.296.497</b>

### 10.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2019 VND	2018 VND
<b>Công ty TNHH TM Thực phẩm Phong Phú</b>		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.320.931.872	23.249.470.068
<b>Công ty TNHH Thiên Minh Phúc</b>		
- Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	2.177.216.940	3.258.864.940
<b>Cửa hàng Sa Giang</b>		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.397.208.553	13.036.782.198
<b>Công nợ với các bên liên quan khác</b>		

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có công nợ với các bên liên quan như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH TM Thực Phẩm Phong Phú	3.777.566.846	3.495.058.109
Cửa hàng Sa Giang	80.000	463.373.200
<b>Phải trả tiền mua hàng</b>		
Công ty TNHH Thiên Minh Phúc	586.686.254	553.409.230

### 10.4 Trình bày lại số liệu so sánh

Công ty trình bày lại thông tin về Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 do điều chỉnh lại số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông năm 2019 ngày 26 tháng 03 năm 2019.

#### Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Mã số	2018 Số liệu đã trình bày VND	Điều chỉnh tăng/ (giảm) VND	2018 Số liệu trình bày lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.214	(503)	2.711

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG

Địa chỉ: Lô CII-3, Đường số 5, KCN C, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 10.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**NGUYỄN VĂN SANG**  
Người lập biểu



**NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRANG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN VĂN KIÊM**  
Tổng Giám đốc  
Sa Đéc, ngày 20 tháng 02 năm 2020

